

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN: TOÁN 10

NĂM HỌC: 2024 – 2025

THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Năng lực	Cấp độ tư duy								
	Dạng thức 1			Dạng thức 2			Dạng thức 3		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Tư duy và lập luận Toán học	7	4		8	6				
Giải quyết vấn đề Toán học	1				2				1
Mô hình hóa Toán học									2
Tổng	8	4		8	8				3

MA TRẬN ĐẶC TẢ

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
TN 4 lựa chọn 12 câu 3 điểm	1	TD 3.2			Hàm số và đồ thị	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm hàm số thông qua mối quan hệ phụ thuộc giữa hai đại lượng từ các mô hình thực tế như bảng giá trị, biểu đồ, công thức. - Mô tả và tìm được tập xác định, tập giá trị của hàm số từ đồ thị cho trước. - Vẽ được đồ thị của hàm số khi biết bảng giá trị hoặc công thức. Thông hiểu: - Hiểu khái niệm hàm số, tìm được tập xác định, tập giá trị của hàm số, đồ thị của hàm số. - Kiểm tra được hàm số đồng biến, nghịch biến. (Chứng minh hoặc tìm khoảng đồng biến, nghịch biến).
	2		TD 1.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	3	TD 3.2			Hàm số bậc hai	Nhận biết: - Nhận biết được các tính chất cơ bản của parabol như đỉnh, trục đối xứng thông qua hình vẽ hay hàm số cho trước. - Nhận biết được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. - Nhận biết được công thức tổng quát của hàm số bậc hai. - Nhận dạng được đồ thị của hàm số bậc hai
	4		TD 3.2			Thông hiểu: - Thiết lập được bảng giá trị, bảng biến thiên của hàm số bậc hai, tính đơn điệu.GTLN và GTNN - Giao điểm của parabol với Ox,Oy. - Vẽ được parabol. - Tìm được hàm số bậc hai.
	5	TD 3.2			Số gần đúng và sai số	Nhận biết : - Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. - Xác định được số gần đúng của một số với độ chính Xác cho trước. - Xác định được sai số tương đối của số gần đúng.
	6	TD 1.2			Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ.	Nhận biết : - Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ. - Phát hiện và lí giải được số liệu không chính xác hoặc các phát biểu không chính xác, hợp lí dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong nhiều ví dụ.
	7	TD 1.2			Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu	Nhận biết: Nhận biết được các số đặc trưng đo xu thế trung tâm.
	8		TD 3.2			Thông hiểu: Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm.

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	9	GQ 1.2			Khái niệm vectơ, tổng hiệu của hai vectơ, tích của một số với một vectơ, tích vô hướng của hai vectơ	Nhận biết: - Khái niệm vectơ và các thành phần liên quan như: điểm đầu, điểm cuối, giá, phương, chiều, độ dài của vectơ. - Vectơ cùng phương, cùng hướng, vectơ không. - Vectơ bằng nhau, vectơ đối nhau. - Biểu thị được một số đại lượng thực tiễn bằng vectơ. - Biết được định nghĩa và các tính chất, qui tắc của tổng và hiệu các vectơ. - Chỉ ra được một vectơ là tổng, hiệu của các vectơ cho trước. - Biết khái niệm và tính chất vectơ đối của một vectơ. - Biết định nghĩa tích của vectơ với một số. - Nhận ra được đặc điểm, tính chất của tích vectơ với một số. - Nhận biết được chiều và độ dài của hai vectơ cùng phương nhau. - Khái niệm tích vô hướng của hai vectơ. Góc giữa hai vectơ. - Mô tả được những tính chất hình học bằng tích vô hướng(cùng hướng, ngược hướng, vuông góc). Thông hiểu: - Xác định được tổng, hiệu hai vectơ, quy tắc ba điểm, quy tắc hình bình hành và các tính chất của tổng vectơ: giao hoán, kết hợp, tính chất của vectơ-không. - Biết tính độ dài vectơ tổng - hiệu. - Dùng điều kiện hai vectơ cùng phương, tính chất trung điểm, tính chất trọng tâm để chứng minh đẳng thức vectơ, chứng minh thẳng hàng. - Thực hiện được phép toán tính tích vô hướng, góc của hai vectơ. - Dùng điều kiện vuông góc trong tích vô hướng.
	10	TD 3.2				
	11	TD 3.2				
	12		TD 3.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
TN đúng sai 4 câu 4 điểm	1				Hàm số và đồ thị	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm hàm số thông qua mối quan hệ phụ thuộc giữa hai đại lượng từ các mô hình thực tế như bảng giá trị, biểu đồ, công thức. - Mô tả và tìm được tập xác định, tập giá trị của hàm số từ đồ thị cho trước. - Vẽ được đồ thị của hàm số khi biết bảng giá trị hoặc công thức. Thông hiểu: - Hiểu khái niệm hàm số, tìm được tập xác định, tập giá trị của hàm số, đồ thị của hàm số. - Kiểm tra được hàm số đồng biến, nghịch biến. (Chứng minh hoặc tìm khoảng đồng biến, nghịch biến).
	a	TD 1.2				
	b	TD 3.2				
	c		TD 2.1			
	d		TD 3.2			
	2				Hàm số bậc hai	Nhận biết: - Nhận biết được các tính chất cơ bản của parabol như đỉnh, trục đối xứng thông qua hình vẽ hay hàm số cho trước. - Nhận biết được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. - Nhận biết được công thức tổng quát của hàm số bậc hai. - Nhận dạng được đồ thị của hàm số bậc hai Thông hiểu: - Thiết lập được bảng giá trị, bảng biến thiên của hàm số bậc hai, tính đơn điệu.GTLN và GTNN - Giao điểm của parabol với Ox,Oy. - Vẽ được parabol. - Tìm được hàm số bậc hai.
	a	TD 3.2				
	b	TD 3.2				
	c		TD 3.2			
	d		TD 3.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	3				Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu	Nhận biết: Nhận biết được các số đặc trưng đo xu thế trung tâm. Thông hiểu: Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm.
	a	TD 3.2				
	b	TD 3.2				
	c		TD 3.2			
	d		TD 3.2			
	4				Khái niệm vectơ, tổng hiệu của hai vectơ, tích của một số với một vectơ, tích vô hướng của hai vectơ	Nhận biết: - Khái niệm vectơ và các thành phần liên quan như: điểm đầu, điểm cuối, giá, phương, chiều, độ dài của vectơ. - Vectơ cùng phương, cùng hướng, vectơ không. - Vectơ bằng nhau, vectơ đối nhau. - Biểu thị được một số đại lượng thực tiễn bằng vectơ. - Biết được định nghĩa và các tính chất, qui tắc của tổng và hiệu các vectơ. - Chỉ ra được một vectơ là tổng, hiệu của các vectơ cho trước. - Biết khái niệm và tính chất vectơ đối của một vectơ. - Biết định nghĩa tích của vectơ với một số. - Nhận ra được đặc điểm, tính chất của tích vectơ với một số. - Nhận biết được chiều và độ dài của hai vectơ cùng phương nhau. - Khái niệm tích vô hướng của hai vectơ. Góc giữa hai vectơ. - Mô tả được những tính chất hình học bằng tích vô hướng(cùng hướng, ngược hướng, vuông góc). Thông hiểu: - Xác định được tổng, hiệu hai vectơ, quy tắc ba điểm, quy tắc hình bình hành và các tính chất của tổng vectơ: giao hoán, kết hợp, tính chất của vectơ-không. - Biết tính độ dài vectơ tổng - hiệu. - Dùng điều kiện hai vectơ cùng phương, tính chất trung điểm, tính chất trọng tâm để chứng minh đẳng thức vectơ, chứng minh thẳng hàng. - Thực hiện được phép toán tính tích vô hướng, góc của hai vectơ. - Dùng điều kiện vuông góc trong tích vô hướng.
	a	TD 3.2				
	b	TD 3.2				
	c		GQ 3.1			
	d		GQ 3.1			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
Tự luận 3 điểm	1			GQ 2,2 MH 2.1	Hàm số và đồ thị	Vận dụng : - Xây dựng hàm số và tính giá trị của hàm số từ số liệu thực tế. - Mở rộng từ 2 mức trên.
	2			MH 2.1	Hàm số bậc hai	Vận dụng : - Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực tiễn. - Mở rộng 2 mức trên.
	3			MH 2.1 GQ 2.2	Khái niệm vectơ, tổng hiệu của hai vectơ, tích của một số với một vectơ, tích vô hướng của hai vectơ	Vận dụng : - Sử dụng được vectơ và các phép toán trên vectơ để giải thích một số hiện tượng liên quan đến vật lí. - Vận dụng được tổng và hiệu của hai vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan thực tiễn. - Dùng tích của một số với một vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan vật lý, thực tiễn. - Dùng tích vô hướng của hai vectơ để giải quyết một số bài toán hình học và bài toán thực tiễn liên quan. - Chứng minh đẳng thức vectơ hay tính biểu thức vectơ. - Mở rộng từ 2 mức trên.
TỔNG		16	12	3		
TỈ LỆ %		40	30	20		
TỔNG ĐIỂM		4	3	2	10	

NĂNG LỰC TƯ DUY VÀ LẬP LUẬN TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TD1. Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hóa, khái quát hóa, tương tự; quy nạp, diễn dịch.	TD1.1. Thực hiện được tương đối thành thạo các thao tác tư duy. TD1.2. Phát hiện được sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống tương đối phức tạp. TD1.3. Lí giải được kết quả của việc quan sát.
TD2. Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.	TD2.1. Sử dụng được các phương pháp lập luận để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.2. Sử dụng được các phương pháp quy nạp để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.3. Sử dụng được các phương pháp suy diễn để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề.
TD3. Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện học toán.	TD3.1. Nêu được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.2. Trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.3. Giải thích được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.4. Chứng minh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.5. Điều chỉnh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học.

NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
GQ1. Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học.	GQ1.1. Xác định được tình huống có vấn đề; GQ1.2. Thu thập được thông tin; GQ1.3. Sắp xếp được thông tin; GQ1.4. Giải thích được thông tin; GQ1.5. Đánh giá được độ tin cậy của thông tin; GQ1.6. Chia sẻ được sự am hiểu vấn đề với người khác.
GQ2. Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.	GQ2.1. Lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. GQ2.2. Thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
GQ3. Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra.	GQ3.1. Thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề. GQ3.2. Trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
GQ4. Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hóa được cho vấn đề tương tự.	GQ4.1. Đánh giá được giải pháp đã thực hiện. GQ4.2. Phản ánh được giá trị của giải pháp. GQ4.3. Khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.

NĂNG LỰC MÔ HÌNH HÓA TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
MH1. Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.	MH1.1. Thiết lập được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, sơ đồ, hình vẽ, bảng biểu, đồ thị,...) để mô tả tình huống đặt ra trong một số bài toán thực tiễn.
MH2. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.	MH2.1. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.
MH3. Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	MH3.1. Lí giải được tính đúng đắn của lời giải (những kết luận thu được từ các tính toán là có ý nghĩa, phù hợp với thực tiễn hay không). MH3.2. Nhận biết được cách đơn giản hoá, cách điều chỉnh những yêu cầu thực tiễn (xấp xỉ, bổ sung thêm giả thiết, tổng quát hóa,...) để đưa đến những bài toán giải được.

Trường THPT Nguyễn Hữu Huân
Tổ Ngữ văn
MATRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ CUỐI HK I- - MÔN NGỮ VĂN KHỐI 10

MATRẬN:

TT	Năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	
I	Đọc	Văn bản nghị luận	5	2	15%	2	25%	1	10%	50%
II	Viết	Viết bài nghị luận văn học đánh giá tác phẩm thơ/ truyện	1	15%		15%		20%		50%
Tổng			6	30%		40%		30%		100%

MATRẬN ĐẶC TẢ:

TT	Kỹ năng	ĐV kiến thức/ Kỹ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
I				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
	ĐỌC HIỂU	Văn bản Nghị luận	- * Nhận biết: Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. Thông hiểu	2	2	1

			- Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản - Phân tích được vai trò các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận - Xác định được mục đích, quan điểm của người viết. - Chỉ ra cách chú thích trích dẫn, ghi cước chú và phân tích được tác dụng của chú thích, cước chú. *Vận dụng - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.			
II	VIẾT	Nghị luận về một tác phẩm truyện	*Nhận biết - Giới thiệu được tên tác phẩm, tác giả, nêu được vấn đề nghị luận. - Nhận biết được các yếu tố của truyện: đề tài, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, chi tiết tiêu biểu.. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. *Thông hiểu - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật, lời kể và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp, nhân vật trong văn bản. - Phân tích và đánh giá được tình cảm, thái độ của tác giả thể hiện qua văn bản - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. * Vận dụng - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản. *Vận dụng cao - Vận dụng hiệu quả các kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho bài viết			

		Nghị luận về một tác phẩm thơ * Nhận biết: - Giới thiệu được tên tác phẩm, tác giả, nêu được vấn đề nghị luận. - Nhận biết được vần, nhịp, hình ảnh, nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình, thủ pháp nghệ thuật, thể thơ ... - Đảm bảo cấu trúc văn bản nghị luận VH * Thông hiểu: - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp, cảm hứng chủ đạo trong văn bản thơ - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. * Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. * Vận dụng cao: - Vận dụng hiệu quả các kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho bài viết			
--	--	--	--	--	--

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

TỔ NGOẠI NGỮ

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH

HỌC KỲ 1 - KHỐI 10

NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Tự luận

MA TRẬN

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Phonetics	4						4	0
2	Word choice	4		1		1		6	0
3	Word form				3		2	0	5
4	Verb tenses	1		1			1	2	1
5	Adjectives ending in -ing and -ed	1				1		2	1
6	Gerund & Infinitives	2				1	2	3	1
7	Phrasal verbs					2		2	0
8	Prepositions	1						1	0
9	Collocations/ Idioms	1						1	0
10	Synonyms/ Antonyms	2		2				4	0
11	Reading Comprehension			4		3		7	0
12	Complete an announcement/ advertisement	1		1		1		3	0
13	Cloze text	3		1		1		5	0
14	Sentence sequencing				2			0	2
TỔNG		20	0	10	5	10	5	40	10
TỈ LỆ		40%		30%		30%		80%	20%

BẢNG ĐẶC TẢ

ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CHUẨN KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
		NB	TH	VD
Phonetics	Nhận biết: - Xác định được vị trí dấu nhấn của từ có 2 hoặc 3 âm tiết - Phát âm đúng các nguyên âm/ phụ âm trong 1 từ	4		
Word choice (UNIT 3, 4 & 5)	Nhận biết: - Nhớ nghĩa từ đã học và chọn từ đúng Thông hiểu: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng phù hợp ý của câu Vận dụng: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng, phù hợp ý của câu, phân biệt được so với các đáp án khác.	4	1	1
Word form (UNIT 3, 4 & 5)	Thông hiểu: - Xác định được từ loại và điền từ nghĩa phù hợp Vận dụng: - Xác định được từ loại và biết vận dụng tiếp đầu ngữ, tiếp vĩ ngữ phù hợp, với 1 gốc từ có nhiều từ cùng từ loại.		3	2
Verb tenses	Nhận biết: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu Thông hiểu: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu, biết phối hợp thì Vận dụng: - Chuyển sang thì khác không làm đổi nghĩa câu	1	1	1
Adjectives ending in -ing and -ed	Nhận biết: - Chọn đúng dạng tính từ theo nghĩa của câu Vận dụng: - Vận dụng nghĩa chủ động và bị động để chọn dạng tính từ phù hợp	1		1

Gerund & Infinitives	Nhận biết: - Chọn đúng dạng động từ theo dấu hiệu cho sẵn Vận dụng: - Phân biệt được nghĩa khác nhau của To infinitive và Gerund sau cùng 1 động từ - Chuyển đổi qua lại các dạng động từ không làm đổi nghĩa câu	2		3
Phrasal verbs	Vận dụng: - Xác định và sử dụng phrasal verb có nhiều nghĩa phù hợp với ngữ cảnh, đồng thời biết cách biến đổi theo các thì khác nhau.			2
Prepositions	Nhận biết - Xác định và sử dụng đúng giới từ tạo thành nghĩa phù hợp với ngữ cảnh	1		
Collocations	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của cụm từ	1		
Synonyms/ Antonyms	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của từ vựng Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ trong ngữ cảnh để lựa chọn từ đồng nghĩa/ trái nghĩa	2	2	
Reading Comprehension (MUSIC, COMMUNITY, INVENTIONS)	Thông hiểu: - Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các nội dung học thuật về các chủ đề đã học. Vận dụng: - Rút ra các suy luận từ đoạn văn		4	3
Complete an announcement/ advertisement	- Hiểu được những thông tin quan trọng trong các quảng cáo thường nhật - Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết và ngôn ngữ sử dụng trong thư tín và thư tay. - Hiểu được mạch lập luận của văn bản/đoạn hội thoại	1	1	1

Cloze text (MUSIC, COMMUNITY, INVENTIONS)	Nhận biết: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ đúng, phù hợp Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ, phân biệt được với các đáp án cùng loại từ Vận dụng: - Sử dụng kết hợp các cụm kết hợp từ, các thành ngữ, giới từ đi kèm	3	1	1
Sentence Sequencing	Thông hiểu: - Thực hiện việc sắp xếp lại các câu theo đúng cấu trúc và ngữ nghĩa để tạo thành 1 lá thư hoàn chỉnh		2	
Tổng		20	15	15

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MÔN: VẬT LÝ 10
BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY CHO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)

Thành phần năng lực	Số câu tự luận		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Nhận thức vật lí	3,0	0,5	
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	1,0	1,5	0,5
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học		1,0	2,5
TỔNG	10		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
BẢN ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA CUỐI HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)
MÔN: VẬT LÝ 10

Nội dung	Cấp độ	Năng lực			Số câu tự luận (số câu)
		Nhận thức vật lí	Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	
CHỦ ĐỀ 1: MÔ TẢ CHUYỂN ĐỘNG					
Bài: Chuyển động thẳng biến đổi	Thông hiểu	Nhận biết được phương, chiều của vectơ vận tốc và gia tốc trong chuyển động thẳng biến đổi đều.			0.5
	Vận dụng			Vận dụng được các công thức chuyển động thẳng biến đổi đều trong bài toán vật rơi tự do.	1,0
CHỦ ĐỀ 2: LỰC VÀ CHUYỂN ĐỘNG					
Bài 1: Lực và gia tốc	Nhận biết	Nêu được mối liên hệ giữa gia tốc và lực.			0.5
	Thông hiểu		Hiểu được biểu thức liên hệ giữa gia tốc và lực, tác dụng của lực.		0.5

Bài 2: Một số lực thường gặp	Nhận biết	Nêu được đặc điểm của trọng lực, lực căng dây.			1,0
	Vận dụng		Cho ví dụ và giải thích được một số hiện tượng đơn giản trong thực tế liên quan đến lực ma sát, lực cản không khí.		0.5
Bài 3: Ba định luật Newton về chuyển động	Nhận biết	Phát biểu định luật I, II, III Newton.	Nêu được khối lượng là đại lượng đặc trưng cho mức quán tính của vật.		1,0
	Thông hiểu		Hiểu được nội dung của định luật III Newton để giải thích một số hiện tượng thường gặp trong thực tế.		0.5
	Vận dụng			Dựa vào định luật II Newton tìm gia tốc khi vật có khối lượng thay đổi (F không đổi)	0.5
Bài 4: Tổng hợp và phân tích lực	Nhận biết	Nêu được khái niệm tổng hợp lực và phân tích lực.			0,5
	Thông hiểu			Xác định được hợp lực của hai lực đồng quy vuông góc	0,5
	Vận dụng			Vận dụng định luật II Newton và phân tích lực để giải bài toán vật chuyển	1,0

				động trên mặt phẳng ngang có ma sát.	
Bài 5: Khối lượng riêng, áp suất chất lỏng	Nhận biết	Định nghĩa khối lượng riêng của một chất.			0,5
	Thông hiểu		- Tính được áp suất tại 1 điểm ở độ sâu h trong lòng chất lỏng.	- Xác định được khối lượng của vật từ công thức tính khối lượng riêng.	1,0

MA TRẬN – HÓA 10 – CUỐI HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Tự luận – Thời gian: 45 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá			Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	1. Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố, thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kì và nhóm			1			1	10%
		2. Định luật tuần hoàn – Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.	1		1	1		1	20%
2	Liên kết hóa học	3. Quy tắc octet	1			1			10%
		4. Liên kết ion	1	1	1	1	1	1	30%
		5. Liên kết cộng hóa trị	1	1		1	1		20%
		6. Liên kết hydrogen và tương tác van der waals		1			1		10%
Tổng số câu			4	3	3	4	3	3	10
Tổng số điểm			4	3	3	4	3	3	10
Tỉ lệ %			40%	30%	30%	40%	30%	30%	100%

BẢNG ĐẶC TẢ – HÓA 10 – CUỐI HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Tự luận – Thời gian: 45 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số lượng chỉ báo
1	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	1. Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố, thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kì và nhóm	Vận dụng HH1.6. Phân tích, xác định công thức oxide cao nhất và hydroxide tương ứng của một số nguyên tử dựa vào phần trăm khối lượng của nguyên tử có trong hợp chất.	1
		2. Định luật tuần hoàn – Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.	Nhận biết HH.1.2. Trình bày được ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học: mối liên hệ giữa vị trí (trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học) với tính chất và ngược lại.	1
			Vận dụng HH.1.6. Giải thích và lập luận được về mối quan hệ giữa các cấu hình electron, vị trí của nguyên tố trong bảng tuần hoàn và tính chất hóa học cơ bản; giải các bài toán về số hạt trong ion.	1
2	Liên kết hóa học	3. Quy tắc octet	Nhận biết HH.1.2. Trình bày được quy tắc octet với các nguyên tố nhóm A.	1
		4. Liên kết ion	Nhận biết HH.1.1. Nêu được khái niệm và đặc điểm của tinh thể ion, khái niệm liên kết ion.	1
			Thông hiểu HH.1.4. Mô tả được sự hình thành ion, liên kết ion trong hợp chất ion.	1
			Vận dụng HH.3.2. Vận dụng được kiến thức hoá học để phân biệt, đánh giá ảnh hưởng của một vấn đề thực tiễn liên quan đến ion, hợp chất ion.	1
		5. Liên kết cộng hóa trị	Nhận biết HH.1.2. - Trình bày được khái niệm liên kết cộng hóa trị (phân cực và không phân cực) - Trình bày khái niệm liên kết cho – nhận	1

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số lượng chỉ báo
			- Trình bày được khái niệm năng lượng liên kết, đặc điểm của năng lượng liên kết.	
			Thông hiểu HH.1.3. - Viết công thức electron, công thức lewis và công thức cấu tạo của một số chất đơn giản. - Xác định số liên kết σ và liên kết π có trong hợp chất.	1
		6. Liên kết hydrogen và tương tác van der waals	Thông hiểu HH.1.3. - Mô tả liên kết hydrogen của một số hợp chất của một số hợp chất, đặc điểm của liên kết hydrogen đến nhiệt độ sôi của một số hợp chất. - Mô tả tương tác van der waals của một số hợp chất của một số hợp chất.	1
Tổng số câu				10

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MÔN: SINH HỌC 10
BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY CHO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)

Thành phần năng lực	Số câu tự luận		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Nhận thức sinh học	2,0	0,5	
Tìm hiểu thế giới sống	1,0	2,5	1,5
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học		1,0	1,5
TỔNG	10		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
BẢN ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA CUỐI HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)
MÔN: SINH HỌC 10

Nội dung	Cấp độ	Năng lực			Số câu tự luận (số câu)
		Nhận thức Sinh học	Tìm hiểu thế giới sống	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	
CHỦ ĐỀ 1: Cấu trúc tế bào					
Tế bào nhân sơ	Nhận biết	- Nêu được thành phần chủ yếu của một tế bào - Nêu được đặc điểm chung của tế bào nhân sơ.	-Mô tả được cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào nhân sơ(màng sinh chất, tế bào chất,vùng nhân, thành tế bào...)		0,5
	Thông hiểu		-Hiểu và chú thích được các thành phần cấu tạo của tế bào nhân sơ(vi khuẩn) - Hiểu được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của tế bào nhân sơ.		0.5
	Vận dụng		-Biết một số bệnh do vi khuẩn gây ra và cơ sở khoa học của các biện pháp phòng tránh	-Giải thích được mối quan hệ giữa kích thước tế bào và tỉ lệ S/V. -Vận dụng cấu trúc thành vi khuẩn Gram âm và Gram dương và ứng dụng trong việc phân loại hai	1,0

				nhóm vi khuẩn trong sử dụng thuốc kháng sinh.	
Tế bào nhân thực	Nhận biết	-Nêu đặc điểm chung của tế bào nhân thực. -Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất. -Trình bày được cấu trúc của nhân tế bào.	- Tìm hiểu chức năng quan trọng của nhân. - Hiểu tên gọi tế bào nhân thực xuất phát từ đặc điểm nào. - Hiểu được chức năng của 1 số bào quan trong tế bào nhân thực		1,5
	Thông hiểu	Nhận biết được được cấu trúc của nhân tế bào và chức năng quan trọng của nhân tế bào	- Hiểu được vai trò của các thành phần cấu tạo nên màng sinh chất. - Quan sát hình , chú thích hình về một số bào quan trong tế bào nhân thực (lục lạp, ti thể, nhân...). - Mô tả được sơ đồ sản xuất và vận chuyển protein tiết ra ngoài tế bào.	- Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của màng sinh chất. - Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các bào quan trong tế bào	1,5
	Vận dụng		-Quan sát hình vẽ, lập được bảng so sánh cấu tạo tế bào thực vật và động vật. - So sánh được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực	- Lấy được các ví dụ về sự có mặt và vai trò các bào quan ở một số tế bào như tế bào cơ tim.....	1,0
CHỦ ĐỀ 2: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG TRONG TẾ BÀO					
Trao đổi	Nhận biết	Nêu được Khái niệm trao đổi chất ở tế bào	-Nêu được ý nghĩa của trao đổi chất ở tế bào.		0.5

chất ở tế bào					
	Thông hiểu		- Hiểu được các khái niệm: khuếch tán, thẩm thấu, đồng hóa, dị hóa. - Hiểu được các loại môi trường: ưu trương, nhược trương, đẳng trương thông qua các ví dụ.		0,5
Sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất	Nhận biết	- Nêu được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất - Phát biểu được khái niệm thực bào, ẩm bào, nhập bào, xuất bào.			0,5
	Thông hiểu		- Hiểu được đặc điểm của các chất khi vận chuyển qua màng sinh chất. - Hiểu được đặc điểm con đường vận chuyển qua lớp kép phospholipid và qua kênh protein. - Hiểu được tính thấm có chọn lọc của màng sinh chất tế bào sống.	- Lấy được ví dụ về các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất. - Lấy được ví dụ minh họa về hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất.	1,5
	Vận dụng		- Phân biệt được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động	- Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (muối dưa, muối cà, rửa rau sống.....). - Làm được thí nghiệm và quan sát hiện tượng co và phản co nguyên sinh (tế bào hành, tế bào lá khoai tây,...).	1,0

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - LỊCH SỬ 10
NĂM HỌC 2024-2025**

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức/dạng thức kiểm tra						Tổng số điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			DT1	DT2	DT1	DT2	DT1	DT2	
1	Chủ đề 4. Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	Bài 9. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời Cận đại	3		1				
		Bài 10. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời Hiện đại	2	1 ý	1	1 ý	1	2 ý	
	Chủ đề 5. Văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại	Bài 11. Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	2	1 ý	2	1 ý	1	2 ý	
2	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (Trước 1858)	Bài 12. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	3	1 ý	2	1 ý	1	2 ý	
		Bài 13. Văn Minh Chăm - pa	2	1 ý	2	1 ý	1	2 ý	
Tổng số			12	4 ý	8	4 ý	4	8 ý	10
Tỷ lệ chung			70%				30%		100%

Lưu ý:

- **Dạng thức 1 (DT1):** Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn, 1 lựa chọn đúng; mỗi đề 24 câu hỏi

- **Dạng thức 2 (DT2):** Trắc nghiệm đúng sai; thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. Nếu đúng 1 ý được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm, đúng 4 ý được 1 điểm. Mỗi đề 4 câu hỏi, mỗi câu hỏi 4 lệnh lựa chọn: Đúng (Đ)/ Sai (S)

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức						Tổng điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				DT1	DT2	DT1	DT2	DT1	DT2	
1	Chủ đề 4. Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	Bài 9. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại	Nhận biết - Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba. - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần ba về kinh tế, xã hội, văn hóa.	3						
			Thông hiểu - Giải thích được những tác động, ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba về kinh tế, xã hội, văn hoá. - Lí giải được tầm quan trọng của cách mạng công nghiệp lần thứ ba			1				
		Bài 10. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại	Nhận biết - Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.	2	1 ý					
			Thông hiểu - Giải thích được những tác động, ý nghĩa của 2 cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hoá. - Lí giải được tầm quan trọng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư			1	1 ý			

			Vận dụng - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. - Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội.					1	2 ý	
2	Chủ đề 5. Văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại	Bài 11. Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Nhận biết - Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á. - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc.	2	1 ý					
			Thông hiểu Lí giải phân tích được những yếu tố dẫn đến sự hình thành và phát triển của văn minh Đông Nam Á			2	1 ý			
			Vận dụng - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.						2 ý	
		Bài 12. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	Nhận biết - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, Chăm Pa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.	3	1 ý					
3	Chủ đề 6. Một số nền văn minh trên đất nước		Thông hiểu -Giải thích phân tích được yếu tố tác động đến sự hình thành của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc trên đất nước Việt Nam, so sánh được những đặc điểm chung, riêng của các nền văn minh cổ.			2	1 ý			

Việt Nam (Trước 1858)									
		Vận dụng - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.					1	2 ý	
	Bài 13. Văn Minh Chăm - pa	Nhận biết - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Chăm Pa - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm Pa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.	2	1 ý					
		Thông hiểu -Giải thích phân tích được yếu tố tác động đến sự hình thành của nền văn minh Chăm - pa, so sánh được những đặc điểm chung, riêng của các nền văn minh cổ.			2	1 ý			
		Vận dụng - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.					1	2 ý	
Tổng			12	4 ý	8	4 ý	4	8 ý	10
Tỷ lệ chung			70%				30%		100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ- CUỐI HỌC KÌ I, LỚP 10
MÔN: ĐỊA LÍ – NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo			
				Trắc nghiệm			Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng- Sai	Trả lời ngắn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bản đồ	Sử dụng bản đồ	- Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lý trên bản đồ: Cụ thể phương pháp: kí hiệu, kí hiệu đường chuyển động, chấm điểm, bản đồ - biểu đồ. - Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.	16	1	4	2
2	Trái Đất	Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng	- Trình bày được nguồn gốc hình thành trái đất, đặc điểm của vỏ trái đất, các vật liệu cấu tạo vỏ trái đất. - Trình bày khái quát thuyết kiến tạo mảng, vận dụng để giải thích nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa.				
		Hệ quả địa lí các chuyển	- Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất);				

		động chính của Trái Đất	chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. - Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.				
3	Thạch quyển	Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	- Trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. - Trình bày khái niệm nội lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.				
		Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	- Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất và núi lửa trên bản đồ. - Trình bày được khái niệm và nguyên nhân sinh ra ngoại lực và tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.				
4	Khí quyển	Khí quyển. Nhiệt độ không khí	- Nêu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lý, lục địa, đại dương, địa hình.				

		Khí áp, gió và mưa	- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên trái đất. Nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. - Trình bày được một số loại gió trên trái đất và một số loại gió địa phương. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa).				
5	Thủy quyển	Thủy quyển. Nước trên lục địa	- Nêu được khái niệm thủy quyển. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. - Trình bày được chế độ nước của 1 con sông cụ thể. - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.				
		Nước biển và đại dương	- Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.				

			- Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. - Trình bày được sự chuyển động của các dòng biển trong đại dương. - Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyền.				
6	Sinh quyền	Đất và sinh quyền	- Trình bày khái niệm về đất (thổ nhưỡng), phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất. - Trình bày được nhân tố hình thành đất, liên hệ thực tế địa phương. - Trình bày được khái niệm sinh quyền; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyền, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật; liên hệ được thực tế ở địa phương.				
7	Thực hành	Tính cơ cấu Vẽ biểu đồ hoặc miền.	Vận dụng – Đọc được bảng số liệu; phân tích số liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ				

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

KIỂM TRA HỌC KỲ I-Năm học: 2024-2025

MÔN: GDKT&PL10

ST T	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ TƯ DUY						TỔNG SỐ CÂU	ĐIỂM SỐ
			PHẦN I			PHẦN II				
			Biết	Hiểu	Vận dung	Biết	Hiểu	Vận dung		
1	Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 5. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường	2	2	1	1			6	2.25
2	Chủ đề 3: Ngân sách Nhà nước và thuế	Bài 6. Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật ngân sách.	3	1	1		1		6	2.25
		Bài 7. Thuế và thực hiện pháp luật về thuế.	3	2	1				6	1.5
3	Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Bài 8. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	2	2				1	5	2.0
4	Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	Bài 9. Tín dụng và vai trò của tín dụng.	2	1	1			1	5	2.0
5	Tổng số câu		12	8	4	1	1	2	28	10

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1
MÔN: GDKT&PL10

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mô tả các cấp độ nhận thức	PHẦN I			PHẦN 2		
				Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường	Bài 5. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường	- Nhận biết: Hiểu được giá cả thị trường. - Thông hiểu: Hiểu và phân biệt được các chức năng của thị trường. - Vận dụng: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.	2	1	2			1
2	Chủ đề 3: Ngân sách Nhà nước và thuế	Bài 6. Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật ngân sách.	- Nhận biết: + Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước. + Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước. - Thông hiểu: Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân	2	2	1		1	

			trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách. - Vận dụng: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.						
		Bài 7. Thuế và thực hiện pháp luật về thuế.	- Nhận biết: Gọi được tên một số loại thuế phổ biến. - Thông hiểu: + Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế. + Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế. - Vận dụng: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu thuế.	2	2	2			
3	Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Bài 8. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	- Nhận biết: Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh. - Thông hiểu: Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. - Vận dụng: Lựa chọn được mô hình kinh tế phù hợp với bản thân trong tương lai.	2	1	1	1		

4	Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	Bài 9. Tín dụng và vai trò của tín dụng.	- Nhận biết: Nêu được khái niệm, đặc điểm của tín dụng. - Thông hiểu: Trình bày được vai trò của tín dụng. - Vận dụng: Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.	1	1	2			1
5	Tổng số lệnh hỏi theo năng lực			9	7	8	1	1	2

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY - ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Năng lực	Cấp độ tư duy					
	Phần I			Phần II		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Nhận thức công nghệ	7	3		4	3	
Giao tiếp công nghệ	2					1
Sử dụng công nghệ	2	2			1	5
Đánh giá công nghệ	1	3	4			2
Tổng	12	8	4	4	4	8

MA TRẬN ĐẶC TẢ - ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Dạng thức 1													
Nội dung	Mức độ kiến thức, kỹ năng	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức											
		Nhận thức CN			Giao tiếp CN			Sử dụng CN			Đánh giá CN		
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
		<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>
Đất trồng	- Nêu được khái niệm giá thể trồng cây - Nêu được quy trình sản xuất viên nén xơ dừa. - Nêu được quy trình sản xuất sỏi nhẹ keramzit. - Phân loại được các nhóm giá thể chính.	1	1					1					
Phân bón	- Trình bày được khái niệm về phân bón, vai trò của phân bón trong trồng trọt, đặc điểm của một số loại phân bón phổ biến - So sánh được các biện pháp sử dụng và bảo quản phân bón phổ biến. - Vận dụng được kiến thức về sử dụng và bảo quản phân bón vào	2	1		1			1	1		1	1	2

	thực tiễn. - Hiểu được các thông số trên nhãn mác các loại phân bón.												
Công nghệ giống cây trồng	- Nêu được các khái niệm trong chọn và tạo giống cây trồng. - Trình bày được ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn và tạo giống cây trồng. - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp chọn giống cây trồng. - Mô tả được các phương pháp nhân giống cây trồng phổ biến. - Phân biệt được các phương pháp nhân giống cây trồng: + Phương pháp nhân giống hữu tính. + Phương pháp nhân giống vô tính. - Nhận biết được các bước thực hiện việc nhân giống cây trồng bằng các phương pháp nhân giống vô tính.	4	1		1				1			2	2
Tổng		7	3	0	2	0	0	2	2	0	1	3	4

Dạng thức 2													
Đất trồng	- Nêu được ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giá thể trồng cây	2								2			
Phân bón	- Nhận biết được một số loại phân bón thông thường qua: màu sắc, tính chất, cách bón, thời kì bón.		1						1	1			1
Công nghệ giống cây trồng	- Lựa chọn phương pháp nhân giống thích hợp cho một số loại cây trồng.	2	2				1			2			1
Tổng		4	3	0	0	0	1	0	1	5	0	0	2
Tổng cộng		11	6	0	2	0	1	2	3	5	1	3	6

TTCM

Trần Thị Hà



SỞ GD&ĐT TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 - MÔN TIN HỌC - **KHỐI 10**- NH 2024-2025
- HÌNH THỨC: TRẮC NGHIỆM - THỜI GIẠN LÀM BÀI: 45 PHÚT

1. Ma trận năng lực, tư duy

Chủ đề	Nội dung và chỉ báo năng lực	Dạng thức 1			Dạng thức 2		
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
10.1	Thông tin và xử lý thông tin AC2	3	0	1	2	1	1
10.5	Biến, lệnh gán và phép toán: CC1	5	4	2	1	2	1
10.5	Các lệnh vào ra đơn giản: CC4	1	1	0			
10.5	Câu lệnh rẽ nhánh if CC4	1	1	2	1	2	1
10.5	Câu lệnh lặp for: CC4	1	0	0	1	2	1
10.5	Kiểm thử lỗi chương trình: CC4	0	0	2			
Tổng		24			16		
Tỉ lệ		60%			40%		

Dạng	Chủ đề	Nội dung và chỉ báo năng lực	Năng lực môn học						Tổng số		
			Sử dụng và quản lý các phương tiện ICT (Nla) AC2			Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (NLc) CC1, CC4			Cấp độ tư duy		
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Dạng thức 1	10.1	Thông tin và xử lý thông tin AC2	3	0	1	0	0	0	3	0	1
	10.5	Biến, lệnh gán và phép toán: CC1				5	4	2	5	4	2
	10.5	Các lệnh vào ra đơn giản: CC4				1	1	0	1	1	0
	10.5	Câu lệnh rẽ nhánh if CC4				1	1	2	1	1	2
	10.5	Câu lệnh lặp for: CC4				1	0	0	1	0	0
	10.5	Kiểm thử lỗi chương trình: CC4				0	0	2	0	0	2
Dạng thức 2	10.1	Thông tin và xử lý thông tin: AC2				2	1	1	2	1	1
	10.5	Biến, lệnh gán và phép toán				1	2	1	1	2	1
	10.5	Câu lệnh rẽ nhánh if: CC4				2	1	1	2	1	1
	10.5	Câu lệnh lặp for: CC4				1	2	1	1	2	1
Tổng			4			36			17	12	11
Tỉ lệ			10%			90%			43%	30%	28%

Đặc tả chỉ báo

1. Năng lực a (Nla): sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

AC2: Chuyển đổi giữa các đơn vị lưu trữ dữ liệu

2. Năng lực c (Nlc): Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

CC1: Biết được các cấu trúc dữ liệu cơ bản

CC4: Tìm hiểu về ngôn ngữ lập trình bậc cao, viết được chương trình Python

2. Yêu cầu cần đạt

STT	Nội dung và chỉ báo năng lực	Yêu cầu cần đạt
1	Bài 1: Thông tin và xử lý thông tin: AC2	Nhận biết - Nêu được sự ưu việt của việc lưu trữ dựa trên các thiết bị số. Thông hiểu - Phân biệt được thông tin và dữ liệu, - Nêu được ví dụ minh họa về thông tin và dữ liệu. - Chuyển đổi được giữa các đơn vị lưu trữ thông tin: B, KB, MB,... Vận dụng Xử lý và truyền thông tin bằng thiết bị số.
2	Bài 16: Ngôn ngữ lập trình bậc cao và Python CC4	Nhận biết - Biết khái niệm ngôn ngữ lập trình bậc cao và ngôn ngữ lập trình bậc cao Python. Thông hiểu

		- Phân biệt được chế độ gõ lệnh trực tiếp và chế độ soạn thảo chương trình trong môi trường lập trình Python Vận dụng - Tạo và thực hiện một chương trình Python.
3	Bài 17. Biến và lệnh gán CC1, CC4	Nhận biết - Biết nguyên tắc đặt tên biến Thông hiểu và vận dụng - Hiểu và sử dụng được lệnh gán và thực hiện một số phép toán trên kiểu số nguyên-số thực (+, -, *, /, //, %, **), và xâu kí tự (+, *).
3	Bài 29. Nhận biết lỗi chương trình Bài 30. Kiểm thử và gỡ lỗi chương trình CC1, CC4	Thông hiểu và vận dụng - Hiểu và sử dụng được lệnh gán và thực hiện một số phép toán trên kiểu số nguyên-số thực (+, -, *, /, //, %, **), và xâu kí tự (+, *). - Sử dụng lệnh gán. - Thực hiện một số phép toán đơn giản trên kiểu số nguyên, số thực và xâu kí tự. - Sử dụng được chức năng Debug để chạy từng dòng lệnh của chương trình để tìm lỗi
4	Bài 18. Các lệnh vào ra đơn giản CC4	Nhận biết, thông hiểu - Biết và thực hiện được một số lệnh vào ra đơn giản Vận dụng - Thực hiện được một số chuyển đổi dữ liệu giữa các kiểu dữ liệu cơ bản - Thực hiện được một số lệnh nhập dữ liệu đơn giản từ bàn phím.
5	Bài 19. Câu lệnh rẽ nhánh if: CC4	Nhận biết, thông hiểu - Biết và trình bày được các phép toán với kiểu dữ liệu logic

		Vận dụng - Sử dụng được lệnh rẽ nhánh if trong lập trình
6	Bài 20. Câu lệnh lặp For: CC4	Nhận biết, thông hiểu - Biết được ý nghĩa của vùng giá trị tạo bởi lệnh range(). - Biết được chức năng của lệnh lặp for - Biết ba cấu trúc lập trình cơ bản: tuần tự, rẽ nhánh, lặp,... Vận dụng - Sử dụng được lệnh lặp for trong các tình huống lập trình phù hợp

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
NHÓM: HDTN-HN

KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HKI
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10
NĂM HỌC 2024 – 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

I. MỤC ĐÍCH – Ý NGHĨA

- Học sinh tự đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, hoạt động đã tham gia trong chủ đề 3, chủ đề 4 theo các tiêu chí cụ thể.
- Học sinh rèn luyện được khả năng tự nhận xét, đánh giá bản thân sau các hoạt động học.
- Đánh giá được kết quả thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trong chủ đề và sự tham gia của bản thân trong các hoạt động học tập.
- Đánh giá kết quả rèn luyện các năng lực và phẩm chất của học sinh: Năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực thiết kế tổ chức các hoạt động. Phẩm chất trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ.

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Bài thực hành của học sinh:
- + Bài viết (dưới dạng file word hoặc powerpoint) kết hợp hình ảnh, minh chứng.
- + Sơ đồ tư duy, video, sắm vai, ...

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung :

Chủ đề	Nội dung
Chủ đề 3: Tư duy phản biện và tư duy tích cực	- Đề xuất được một số cách thức rèn luyện để điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực.
	- Xác định được các bước thực hành tư duy phản biện để phân tích, đánh giá một vấn đề cụ thể.
	- Vận dụng được các bước thực hành tư duy phản biện, tư duy tích cực để bình luận, đánh giá một số vấn đề cụ thể trong học tập và cuộc sống.

Chủ đề 4: Trách nhiệm với gia đình	- Hiểu được trách nhiệm của bản thân khi tham gia các hoạt động lao động trong gia đình
	- Thực hiện trách nhiệm của bản thân với bố mẹ và người thân thông qua hành động quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong gia đình.
	- Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp trong một số hoàn cảnh khác nhau ở gia đình.
	- Lựa chọn được mục tiêu tài chính cá nhân phù hợp. - Thiết kế và thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lí, hiệu quả.
	- Thiết kế và tổ chức thực hiện được hoạt động để kết nối yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.

2. Tiêu chí đánh giá:

TT	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Cần xác định nội dung đầy đủ theo đúng chủ đề.		
2	Nội dung được trình bày chính xác, đa dạng, có cập nhật thông tin.		
3	Hình thức trình bày: hấp dẫn, sáng tạo, lôi cuốn,...		
4	Hoàn thành bài theo kế hoạch và thời gian đã xác định.		
5	Báo cáo kết quả thực hiện.		

+ Đạt: Học sinh đạt được 3 tiêu chí trở lên

+ Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 2 tiêu chí trở xuống

Trên đây là kế hoạch kiểm tra đánh giá cuối học kì 1 cho học sinh khối 10 của nhóm HDTN-HN, rất mong Ban Giám Hiệu phê duyệt.

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

Người lập kế hoạch

Nhóm HDTN-HN

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (Năm học 2024-2025)

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI 10

(Học sinh nộp sản phẩm theo hướng dẫn của giáo viên bộ môn)

STT	Chủ đề/Bài học	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 2. Đạo lí “uống nước nhớ nguồn” qua các nghi lễ dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Tìm hiểu một số tín ngưỡng ở Thành phố Hồ Chí Minh - Tìm hiểu về hoạt động bảo tồn và phát huy tín ngưỡng ở TP.Hồ Chí Minh - Hoạt động tín ngưỡng ở Thành phố Hồ Chí Minh	– Trình bày được đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” thông qua một số nghi lễ dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Trình bày được thực trạng và một số hoạt động bảo tồn, phát huy đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” qua các nghi lễ dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Biết trân trọng giá trị các nghi lễ dân gian, có hành động cụ thể góp phần giữ gìn và phát huy đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của địa phương
2	Chủ đề 3. Quá trình tiếp nhận và biến đổi văn hoá của vùng đất Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh	- Khái lược về lịch sử hình thành địa danh Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh. - Quá trình tiếp nhận văn hoá của vùng đất Sài Gòn – Gia Định – Thành phố	– Trình bày được khái lược về lịch sử hình thành địa danh Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh. – Nêu được quá trình tiếp nhận văn hoá của vùng đất Sài Gòn – Gia Định – Thành phố – Phân tích và hiểu được quá trình biến đổi văn hoá của vùng đất Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh
	Chủ đề 4. Sự hình thành và phát triển các loại hình văn hoá văn nghệ của Thành phố Hồ Chí Minh	- Những đặc điểm cơ bản của các hình thức diễn xướng dân gian ở Gia Định – Sài Gòn. - Sự hình thành và phát triển các loại hình văn hoá, văn nghệ của Thành phố Hồ Chí Minh.	– Nêu được những đặc điểm cơ bản của các hình thức diễn xướng dân gian ở Gia Định – Sài Gòn. – Trình bày được sự hình thành và phát triển các loại hình văn hoá, văn nghệ của Thành phố Hồ Chí Minh. – Hát đúng giai điệu, lời ca một số điệu hò, lí,...của địa phương